TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN P** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh Pc**

Bản án số: **94/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2024
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN P - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Tấn Phước

Ông Ngô Văn Thi

- Thư ký phiên toà: Bà **Triệu Thị Bình** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An P, tỉnh An Giang.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 20243 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An P mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1976; cư trú: tổ 14, khóm An Hưng, thị trấn An P, huyện An P, tỉnh An Giang. (có mặt)

Bị đơn: Ông Dương Văn P, sinh năm 1977; cư trú: tổ 14, khóm An Hưng, thị trấn An P, huyện An P, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà N nộp đơn xin ly hôn với ông P với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa ông, bà được hình thành là do mai mối, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn An P, huyện An P, tỉnh An Giang. Cuộc sống chung thời gian đầu tương đối hạnh Pc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông P thường xuyên ghen tuông và đánh đập vợ, không tu chí làm ăn để chăm lo cho gia đình. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông P.

Về quan hệ con chung: Có 03 (ba) con chung, Dương Chí Phong, sinh ngày 26/5/1998; Dương Chí Nghĩa, sinh ngày 29/4/2004 và Dương Chí Tài, sinh ngày

20/01/2012. Hiện nay, cháu Phong và cháu Nghĩa đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, bà N đồng ý cho ông P được nuôi cháu Tài và đồng ý cấp dưỡng 1.500.000 đồng.

Ông P trình bày: Ông không đồng ý ly hôn do vẫn còn thương vợ thương con, các con không đồng ý để cha mẹ ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi cháu Tài và đồng ý bà N cấp dưỡng 1.500.000 đồng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Tại phiên tòa bà N bảo lưu ý kiến và kiên quyết xin ly hôn với ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hôn nhân giữa bà N và ông P là do mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An P, huyện An P, tỉnh An Giang là hôn nhân hợp pháp; bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An P, nên yêu cầu xin ly hôn của bà N được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa hai người hình thành là do mai mối của gia đình hai bên, tự nguyện tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh Pc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau. Nay bà N xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là do bất đồng quan điểm, thường hay gây nhau, bỏ mặc nhau, không quan tâm, dẫn đến hôn nhân không hạnh Pc. Hiện tại bà N xác định là không còn tình cảm với ông P và mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không có tiếng nói chung không thể tiếp tục chung sống với ông P. Ông P tuy không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp gì hằn gắn tình cảm cho cả hai.

Trong thời gian dài hai người không quan tâm nhau, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình, thì ông bà đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình 2014 "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình", do đó Tòa án nhận thấy cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà N và ông P có 03 (ba) con chung, Dương Chí Phong, sinh ngày 26/5/1998; Dương Chí Nghĩa, sinh

ngày 29/4/2004 và Dương Chí Tài, sinh ngày 20/01/2012. Hiện nay, cháu Phong và cháu Nghĩa đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, ông bà thống nhất đồng ý cho ông P được nuôi con chung và bà N cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng.

Xét thấy ông bà thống nhất để ông P được tiếp tục nuôi con chung và bà N có trách nhiệm cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử dựa vào sự thống nhất để làm căn cứ giải quyết, chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao cháu Dương Chí Tài cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho ông P biết: Ông P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các bên xác định không có.

[5] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng. Ông P không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N**

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị N được ly hôn với ông Dương Văn P.

Về con chung: Giao cháu Dương Chí Tài, sinh ngày 20/01/2012 cho ông Dương Văn P nuôi dạy.

Công nhận sự tự nguyện của bà N cấp dưỡng 1.500.000/tháng cho con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện từ tháng 3/2024.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông P. Ngược lại, ông P cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009296 ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An P. Bà N nộp bổ sung 300.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/3/2024) các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử Pc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phong Phi

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.